

Số: /SYT-NVY

Quảng Ngãi, ngày tháng năm 2026

V/v tiếp tục đẩy nhanh tiến độ
triển khai khám sức khỏe định kỳ,
khám sàng lọc miễn phí cho
người dân năm 2026

Kính gửi:

- Các sở, ban, ngành;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- Các cơ sở khám chữa bệnh trên địa bàn tỉnh;
- Trạm y tế các xã, phường.

Thực hiện Công văn số 2494-CV/ĐU ngày 18 tháng 8 năm 2026 của Thường trực Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đẩy nhanh tiến độ khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí cho người dân; Thực hiện Công văn số 7488/UBND-KGVX ngày 30/7/2026 của UBND tỉnh về việc đẩy nhanh tiến độ triển khai khám sức khỏe định kỳ, khám sàng lọc miễn phí cho Nhân dân năm 2026; Công văn số 8081/UBND-KGVX ngày 14/8/2026 của UBND tỉnh về việc tiếp tục đẩy nhanh tiến độ triển khai khám sức khỏe định kỳ, khám sàng lọc miễn phí cho Nhân dân năm 2026; Kế hoạch số 242/KH-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí ít nhất mỗi năm một lần cho người dân trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2026 – 2030; nhằm bảo đảm tổ chức triển khai đồng bộ, đúng tiến độ, Sở Y tế đề nghị các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn tỉnh, khẩn trương triển khai thực hiện một số nội dung sau:

1. Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu.

- Khẩn trương tổ chức khám sức khỏe định kỳ miễn phí cho người dân trên địa bàn theo lộ trình tại Kế hoạch số 242/KH-UBND ngày 30/6/2026 của UBND tỉnh, hoàn thành **trước ngày 31/10/2026**.

- Chỉ đạo Trạm Y tế xã tổ chức khám sức khỏe định kỳ miễn phí cho trẻ em dưới 06 tuổi; thực hiện cập nhật, liên thông dữ liệu khám sức khỏe lên hệ thống dữ liệu sức khỏe và sổ sức khỏe điện tử trên ứng dụng VneID theo quy định.

- UBND các xã, phường, đặc khu thực hiện ký hợp đồng với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đủ điều kiện khám sức khỏe để tổ chức khám sức khỏe định kỳ miễn phí cho người từ đủ 06 tuổi đến dưới 18 tuổi và người từ đủ 18 tuổi trở lên theo địa bàn.

- Rà soát, lập danh sách các đối tượng thuộc diện khám sức khỏe định kỳ, khám sàng lọc miễn phí, gửi về Sở Y tế theo mẫu tại phụ lục 1 đính kèm **trước ngày 22/8/2026**, đồng thời nhập trên đường link:

https://docs.google.com/spreadsheets/d/1Ylq-ZpYqeTXpWu8Mp9_9q3fZhopZYmbwcWYS1Ghh0dM/edit?usp=sharing

- Căn cứ theo Công văn số 4499/BYT-KHTC ngày 18/6/2026 của Bộ Y tế về việc hướng dẫn lập dự toán chi ngân sách nhà nước thực hiện triển khai khám sức khỏe định kỳ và khám sàng lọc miễn phí cho người dân. Sở Y tế đề nghị Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu khăn trương xây dựng dự toán kinh phí thực hiện khám sức khỏe theo lộ trình năm 2026 tại Kế hoạch số 242/KH-UBND ngày 30/6/2026 của UBND tỉnh theo *Phụ lục 2 đính kèm* và gửi về Sở Y tế **trước ngày 22/8/2026**, đồng thời nhập trên đường link:

<https://docs.google.com/spreadsheets/d/1ZfsqoSjM9z6mbbYloTpKHGYsIwlAA7X5y1rz4CXO5n8/edit?usp=sharing>

- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ miễn phí được thực hiện tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh hoặc theo hình thức khám bệnh, chữa bệnh lưu động, phù hợp điều kiện thực tế của từng xã, từng thôn, tổ dân phố và phương án tổ chức khám của đơn vị thực hiện khám.

- Ưu tiên tổ chức các đợt khám lưu động tại các địa bàn có điều kiện đi lại khó khăn nhằm tạo thuận lợi cho người dân tiếp cận dịch vụ khám sức khỏe.

- Địa điểm khám phải bảo đảm các điều kiện phục vụ hoạt động khám sức khỏe định kỳ, bao gồm khu vực tiếp đón, khu vực khám, khu vực chờ, điều kiện điện, nước, vệ sinh môi trường, bảo đảm an ninh trật tự và các điều kiện cần thiết khác phục vụ hoạt động khám.

- Trong quá trình triển khai thực hiện, trường hợp Bộ Y tế có văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế các hướng dẫn chuyên môn nêu trên thì thực hiện theo quy định, hướng dẫn mới của Bộ Y tế.

2. Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đủ điều kiện khám sức khỏe

- Sau khi ký hợp đồng với UBND các xã, phường, đặc khu, các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có trách nhiệm phối hợp UBND các xã, phường, đặc khu xây dựng kế hoạch triển khai chi tiết để tổ chức thực hiện khám sức khỏe cho các đối tượng từ đủ 06 tuổi đến dưới 18 tuổi và từ đủ 18 tuổi trở lên, bảo đảm hoàn thành các chỉ tiêu, tiến độ theo lộ trình của Kế hoạch số 242/KH-UBND ngày 30/6/2026 của UBND tỉnh.

- Chịu trách nhiệm nhập đầy đủ, chính xác, kịp thời kết quả khám sức khỏe của các đối tượng do đơn vị trực tiếp thực hiện khám lên hệ thống quản lý dữ liệu khám sức khỏe định kỳ theo quy định.

3. Sở Nội vụ.

- Phối hợp chỉ đạo các sở, ban, ngành trên địa bàn tỉnh thực hiện nghiêm túc việc khám sức khỏe định kỳ cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động tại đơn vị, hoàn thành **trước ngày 31/10/2026**.

- Chỉ đạo, đôn đốc, hướng dẫn doanh nghiệp, nhà đầu tư trên địa bàn quản

lý thực hiện tổ chức khám sức khỏe định kỳ, khám phát hiện bệnh nghề nghiệp cho người lao động theo Luật An toàn, vệ sinh lao động.

+ Đơn vị nào đã tổ chức khám sức khỏe cho người lao động từ đầu năm thì đề nghị cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thực hiện khám sức khỏe cho đơn vị phải thực hiện cập nhật, liên thông dữ liệu khám sức khỏe lên hệ thống dữ liệu sức khỏe và sổ sức khỏe điện tử trên ứng dụng VneID theo quy định, hoàn thành **trước ngày 30/9/2026**.

+ Đơn vị nào chưa tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động, khẩn trương triển khai khám cho người lao động và khi thực hiện ký hợp đồng với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh để thực hiện khám sức khỏe, phải đề nghị cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đó thực hiện cập nhật, liên thông dữ liệu khám sức khỏe lên hệ thống dữ liệu sức khỏe và sổ sức khỏe điện tử trên ứng dụng VneID theo quy định, hoàn thành **trước ngày 31/10/2026**.

- Rà soát, cung cấp số liệu các đối tượng thuộc diện khám sức khỏe định kỳ, gửi về Sở Y tế theo mẫu tại phụ lục 1 đính kèm **trước ngày 22/8/2026**, đồng thời nhập trên đường link:

https://docs.google.com/spreadsheets/d/1Ylq-ZpYqeTXpWu8Mp9_9q3fZhopZYmbwcWYS1Ghh0dM/edit?usp=sharing

4. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Chỉ đạo các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh tổ chức kiểm tra sức khỏe đầu năm học cho trẻ em trong cơ sở giáo dục mầm non, học sinh trong các cơ sở giáo dục phổ thông theo quy định của pháp luật về công tác y tế trường học, hoàn thành **trước ngày 05/10/2026**.

- Rà soát, cung cấp số liệu trẻ em trong cơ sở giáo dục mầm non, học sinh trong các cơ sở giáo dục phổ thông thuộc diện khám sức khỏe theo lộ trình tại 242/KH-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, báo cáo gửi về Sở Y tế theo mẫu tại phụ lục 1 đính kèm **trước ngày 22/8/2026**, đồng thời nhập trên đường link:

https://docs.google.com/spreadsheets/d/1Ylq-ZpYqeTXpWu8Mp9_9q3fZhopZYmbwcWYS1Ghh0dM/edit?usp=sharing

5. Chế độ báo cáo.

5.1. Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu:

Định kỳ báo cáo theo mẫu tại phụ lục 3, 4 gửi về Sở Y tế **trước ngày 03 hằng tháng (số liệu chốt ngày cuối tháng)** để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh và Bộ Y tế theo quy định.

Nhập báo cáo đồng thời trên 02 đường Link sau:

+ Link BC tại Phụ lục 3:

<https://docs.google.com/spreadsheets/d/15zL-jhz14lwfx1B7cWfluM-Kh9qSqhYIbebaunKUUI/edit?usp=sharing>

+ Link BC tại Phụ lục 4:

https://docs.google.com/spreadsheets/d/1SnUNHOiaobJo-ce69i_we8dQkgJcyBjinkcGMSPFkEw/edit?usp=sharing

5.2. Các sở, ban, ngành

Định kỳ báo cáo theo mẫu tại phụ lục 6 gửi về Sở Y tế **trước ngày 03 hằng tháng (số liệu chốt ngày cuối tháng)** để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh và Bộ Y tế theo quy định.

Nhập báo cáo trên đường link:

<https://docs.google.com/spreadsheets/d/1shLcQoNHcBvd1ealJPslMCGfKf8edGBBEIq6wJb0PRE/edit?usp=sharing>

Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các đơn vị phản ánh kịp thời về Sở Y tế để tổng hợp trình cấp có thẩm quyền xem xét giải quyết¹.

Sở Y tế kính đề nghị các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các đơn vị liên quan khẩn trương phối hợp triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc, các PGĐ Sở Y tế;
- Lưu: VT, NVY(ntp).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Hoàng Hải

¹ Các đơn vị khi cần hỗ trợ, liên hệ BSCKI Nguyễn Thành Phương, CV Phòng Nghiệp vụ Y, Sở Y tế; số điện thoại: 0985915518, email: bsphuongsyqtng@gmail.com

PHỤ LỤC 1
TỔNG HỢP SỐ LIỆU RÀ SOÁT CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁM SỨC
KHỎE ĐỊNH KỲ MIỄN PHÍ CHO NGƯỜI DÂN

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Đơn vị:

3. Dân số:

II. THÔNG TIN SỐ LIỆU

TT	Đối tượng	Số lượng	Đơn vị báo cáo số liệu
1	Người cao tuổi từ 80 tuổi trở lên		UBND các xã, phường, đặc khu
2	Người khuyết tật		
3	Người thuộc hộ nghèo		
4	Trẻ em < 6 tuổi (trừ trẻ em thuộc trường mầm non)		
5	Người cao tuổi từ 70 đến dưới 80 tuổi		
6	Người thuộc hộ cận nghèo		
7	Người cao tuổi từ 60 đến dưới 70 tuổi		
8	Người có công, người mắc bệnh mạn tính		
9	Người dân sống tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn, đặc khu (Trừ những đối tượng trên)		
10	Người lao động		Sở Nội vụ
11	Cán bộ, công chức, viên chức		
12	Trẻ em trong cơ sở giáo dục mầm non, học sinh trong các cơ sở phổ thông		Sở Giáo dục và Đào tạo
13	Các đối tượng còn lại không thuộc các nhóm đối tượng trên		UBND các xã, phường, đặc khu

PHỤ LỤC 2
MẪU DỰ TOÁN KINH PHÍ KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ MIỄN PHÍ
CHO NGƯỜI DÂN

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Đơn vị:

3. Dân số:

II. THÔNG TIN SỐ LIỆU

TT	Đối tượng thực hiện khám	Số lượng	Giá gói khám/ người	Thành tiền
1	Người cao tuổi từ 80 tuổi trở lên			
2	Người khuyết tật			
3	Người thuộc hộ nghèo			
4	Trẻ em < 6 tuổi (trừ trẻ em thuộc trường mầm non)			
5	Người cao tuổi từ 70 đến dưới 80 tuổi			
6	Người thuộc hộ cận nghèo			
7	Người cao tuổi từ 60 đến dưới 70 tuổi			
8	Người có công, người mắc bệnh mạn tính			
9	Người dân sống tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn, đặc khu (Trừ những đối tượng trên)			
10	Các đối tượng còn lại không thuộc các nhóm đối tượng trên (trừ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, trẻ em trong cơ sở giáo dục mầm non, học sinh trong các cơ sở phổ thông)			
Tổng số đối tượng				

Lưu ý: Bảo đảm không trùng lặp đối tượng

1. Gói khám sức khỏe cho nhóm trẻ em dưới 6 tuổi thực hiện khám tại Trạm y tế xã. (Không thực hiện cận lâm sàng): 36.500đồng/ người

2. Gói khám sức khỏe cho các nhóm đối tượng từ 6 tuổi đến dưới 18 tuổi (không thực hiện cận lâm sàng) tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đủ điều kiện khám sức khỏe: 51.740đồng/ người

3. Gói khám sức khỏe cho các nhóm đối tượng từ 18 tuổi trở lên (có thực hiện cận lâm sàng) tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đủ điều kiện khám sức khỏe: Khám lâm sàng 51.740đồng/ người + cận lâm sàng = 213.440 đồng/ người

PHỤ LỤC 3
BÁO CÁO TIỀN ĐỘ, KẾT QUẢ KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ
(Ban hành kèm theo Công văn số /SYT-NVY ngày tháng năm 2026)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Đơn vị:
2. Kỳ báo cáo: Tháng năm 202....
3. Dân số:

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

2. Kết quả khám

TT	Chỉ tiêu	Số lượng đối tượng được lập danh sách	Số lượng được khám trong tháng	Số lượng tích lũy	Số lượng đã lập Sổ sức khỏe điện tử
1	Tổng số người khám				
2	Số thôn/tổ đã triển khai				
3	Số người khám theo nhóm đối tượng				
	- Trẻ em dưới 6 tuổi				
	- Từ 06 đến 18 tuổi				
	- Trên 18 tuổi				

2. Phân bố theo địa điểm khám và lập Sổ sức khỏe điện tử

TT	Địa điểm khám	Số người khám	Số lượng đã lập Sổ sức khỏe điện tử
1	Trạm y tế		
	- Trẻ em dưới 6 tuổi		
	- Từ 06 đến 18 tuổi		
	- Trên 18 tuổi		
2	Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác		
	- Trẻ em dưới 6 tuổi		

	- Từ 06 đến 18 tuổi		
	- Trên 18 tuổi		

TT	Địa điểm khám	Số người khám	Số lượng đã lập Sổ sức khỏe điện tử
3	Khám lưu động		
	- Trẻ em dưới 6 tuổi		
	- Từ 06 đến 18 tuổi		
	- Trên 18 tuổi		

Phụ lục 4: Kết quả triển khai khám sức khỏe định kỳ theo Kế hoạch 242/2026/KH-UBND ngày 30/6/2026

STT	Tên đơn vị	Kế hoạch			Kết quả triển khai Sổ sức khỏe điện tử			Năng lực hệ thống y tế cơ sở				
		Đã ban hành	Chưa ban hành	Thời gian dự kiến triển khai khám	Tổng dân số	Số người đã có Sổ sức khỏe điện tử	Tỷ lệ (%)	Tổng số trạm Y tế cấp xã	Số lượng bác sĩ	Số trạm đủ bác sĩ theo quy định	Số trạm thiếu bác sĩ	Trạm có đủ trang thiết bị cơ bản
1	UBND XÃ A	Kế hoạch số/KH-UBND ngày										

Số liệu thực hiện theo lộ trình thực hiện theo Kế hoạch 242/KH-UBND

STT	Nhóm đối tượng	Số lượng trong tháng	Số lượng tích lũy			
1	Trẻ em < 6 tuổi sống tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội					

	khó khăn, đặc biệt khó khăn, đặc khu (trừ trẻ em thuộc trường mầm non)					
2	Người cao tuổi từ 80 tuổi trở lên					
3	Người khuyết tật, người thuộc hộ nghèo					
4	Người cao tuổi từ 70 đến dưới 80 tuổi					
5	Người thuộc hộ cận nghèo					
6	Người cao tuổi từ 60 đến dưới 70 tuổi					
7	Người có công, người mắc bệnh mạn tính					
8	Người dân sống tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn, đặc khu (trừ các đối tượng trên)					

9	Trẻ em trong cơ sở giáo dục mầm non, học sinh trong các cơ sở phổ thông.					
10	Người lao động					
11	Các đối tượng thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an quản lý					
12	Các đối tượng không thuộc các nhóm trên					

Phụ lục 5

**DANH SÁCH CÁC CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ĐỦ ĐIỀU KIỆN
KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ HOẶC KHÁM SÀNG LỌC MIỄN PHÍ CHO
NGƯỜI DÂN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NGÃI**

STT	Tên cơ sở	Ghi chú
I	Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập đủ điều kiện khám sức khỏe	
1	Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi	
2	Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ngãi	
3	Bệnh viện đa khoa khu vực Quảng Ngãi	
4	Bệnh viện đa khoa khu vực Đặng Thuỳ Trâm	
5	Bệnh viện đa khoa khu vực Bình Sơn	
6	Bệnh viện đa khoa khu vực Sơn Tịnh	
7	Bệnh viện đa khoa khu vực Tư Nghĩa	
8	Bệnh viện đa khoa khu vực Nghĩa Hành	
9	Bệnh viện đa khoa khu vực Mộ Đức	
10	Bệnh viện đa khoa khu vực Trà Bồng	
11	Bệnh viện đa khoa khu vực Sơn Hà	
12	Bệnh viện đa khoa khu vực Sơn Tây	
13	Bệnh viện đa khoa khu vực Minh Long	
14	Bệnh viện đa khoa khu vực Ba Tơ	
15	Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi 2	
16	Bệnh viện đa khoa khu vực Đăk Hà	
17	Bệnh viện đa khoa khu vực Đăk Tô	
18	Bệnh viện đa khoa khu vực Tu Mơ Rông	
19	Bệnh viện đa khoa khu vực Ngọc Hồi	
20	Bệnh viện đa khoa khu vực Đăk Glei	
21	Bệnh viện đa khoa khu vực Sa Thầy	
22	Bệnh viện đa khoa khu vực IaH'Drai	
23	Bệnh viện đa khoa khu vực Kon Rẫy	
24	Bệnh viện đa khoa khu vực Măng Đen	

25	Trung tâm Y tế Quân dân Y đặc khu Lý Sơn	
II	Tất cả các Trạm Y tế xã và Điểm Y tế đã được cấp GPHD khám bệnh, chữa bệnh	Đủ điều kiện khám cho Trẻ em dưới 6 tuổi
III	Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh ngoài công lập đủ điều kiện khám sức khỏe	
1	Bệnh viện đa khoa tư nhân Phúc Hưng	
2	Bệnh viện Vạn Gia An	
3	Phòng khám đa khoa Minh Quang	
4	Phòng khám Thiện Nhân	

PHỤ LỤC 6: BÁO CÁO SỐ LIỆU KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ CHO CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

STT	Đơn vị thực hiện	Kết quả khám				Phân bố theo địa điểm khám và lập Sổ sức khỏe điện tử			
		Số người khám theo nhóm đối tượng Trên 18 tuổi				Điểm khám tại Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác		Điểm Khám lưu động	
						Trên 18 tuổi		Trên 18 tuổi	
		Số lượng đối tượng được lập danh sách	Số lượng được khám trong tháng	Số lượng tích lũy	Tổng số lượng đã lập Sổ sức khỏe điện tử	Số người khám	Số lượng đã lập Sổ sức khỏe điện tử	Số người khám	Số lượng đã lập Sổ sức khỏe điện tử
		1	2	3	4	5	6	7	8
			5+7		6+8				
	Các Sở, ban, ngành								
1	Sở Y tế	5	2		2	2	2	0	0
2	Sở Nội vụ	5	3			3	3	0	0
3	Các công ty, doanh nghiệp		0						
4	Công ty A	220	150			100	100	50	50
5	Công ty B		0						
6			0						

Phụ lục 7
HƯỚNG DẪN NỘI DUNG KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ MIỄN PHÍ THEO NHÓM ĐỐI TƯỢNG

STT	Nhóm đối tượng	Biểu mẫu/căn cứ áp dụng	Nội dung khám sức khỏe định kỳ miễn phí	Cận lâm sàng
1	Trẻ em dưới 06 tuổi	Thực hiện theo Hồ sơ khám sức khỏe và khám sức khỏe định kỳ cho trẻ em dưới 06 tuổi thực hiện theo quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục số XXIV ban hành kèm theo Thông tư 25/2026/TT-BYT ngày 30/6/2026.	Thực hiện theo Quyết định số 2047/QĐ-BYT ngày 07/7/2026 về việc hướng dẫn nội dung chuyên môn khám sức khỏe định kỳ cho trẻ em dưới 6 tuổi. Đối với nội dung đánh giá phát triển tinh thần - vận động thực hiện theo hướng dẫn tại Bảng tham chiếu hướng dẫn đánh giá phát triển tinh thần - vận động cho trẻ em dưới 06 tuổi ban hành kèm Công văn số 1152/BMTE-CS ngày 17/6/2026 của Cục Bà mẹ và Trẻ em.	Không thực hiện cận lâm sàng.
2	Người từ đủ 06 tuổi đến dưới 18 tuổi	Thực hiện theo Hồ sơ khám sức khỏe và khám sức khỏe định kỳ cho người từ đủ 06 tuổi đến dưới 18 tuổi thực hiện theo quy định tại Mẫu số 02 Phụ lục số XXIV ban hành kèm theo Thông tư 25/2026/TT-BYT ngày 30/6/2026	- Thực hiện theo Công văn số 5008/BYT-KCB ngày 06/7/2026 của Bộ Y tế về việc hướng dẫn nội dung chuyên môn khám sức khỏe định kỳ cho người dân. - Thực hiện khám đầy đủ các nội dung chuyên khoa lâm sàng theo Mẫu số 02 Phụ lục số XXIV ban hành kèm theo Thông tư 25/2026/TT-BYT ngày 30/6/2026, nhằm đánh giá tình trạng sức khỏe.	- Không thực hiện cận lâm sàng. - Khi hỏi tiền sử bệnh tật, khám lâm sàng, nếu có dấu hiệu tổn thương nghi ngờ mắc bệnh, người hành nghề cần tư vấn chuyển người dân đến cơ sở khám bệnh, chữa bệnh phù hợp để chẩn đoán và điều trị kịp thời.

STT	Nhóm đối tượng	Biểu mẫu/căn cứ áp dụng	Nội dung khám sức khỏe định kỳ miễn phí	Cận lâm sàng
3	Người từ đủ 18 tuổi trở lên	Hồ sơ khám sức khỏe và khám sức khỏe định kỳ cho người từ đủ 18 tuổi trở lên thực hiện theo quy định tại Mẫu số 03 Phụ lục số XXIV ban hành kèm theo Thông tư 25/2026/TT-BYT ngày 30/6/2026	- Thực hiện theo Công văn số 5008/BYT-KCB ngày 06/7/2026 của Bộ Y tế về việc hướng dẫn nội dung chuyên môn khám sức khỏe định kỳ cho người dân. - Thực hiện khám đầy đủ các nội dung chuyên khoa lâm sàng theo Mẫu số 03 Phụ lục số XXIV ban hành kèm theo Thông tư 25/2026/TT-BYT ngày 30/6/2026, nhằm đánh giá tình trạng sức khỏe.	- Xét nghiệm máu: công thức máu (Số lượng hồng cầu, Số lượng Bạch cầu, Số lượng tiểu cầu), đường máu, urê, creatinin, ASAT (GOT), ALAT (GPT); - Các xét nghiệm khác thực hiện theo tình hình thực tiễn về khả năng hỗ trợ chi trả của địa phương hoặc khi có yêu cầu tự nguyện chi trả của người dân, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp. - Khi hỏi tiền sử bệnh tật, khám lâm sàng, cận lâm sàng, chẩn đoán hình ảnh nếu có dấu hiệu tổn thương nghi ngờ mắc bệnh, người hành nghề cần tư vấn chuyển người dân đến cơ sở khám bệnh, chữa bệnh phù hợp để chẩn đoán và điều trị kịp thời.